

ĐẶC ĐIỂM GIÁ TRỊ TÂM LÝ – XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG NHÂN CÁCH CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM ĐANG HỌC TẬP TẠI LIÊN BANG NGA

КУДИНОВ СЕРГЕЙ ИВАНОВИЧ^(*)

HỒ VÕ QUẾ CHI^(**)

TÓM TẮT: Bài viết thảo luận kết quả nghiên cứu thực nghiệm về các đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội của sinh viên Việt Nam tại Liên bang Nga. Với mục tiêu khám phá định hướng nhân cách và đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội theo khía cạnh giới tính của sinh viên năm thứ nhất, chúng tôi đã sử dụng hai phương pháp của tác giả B. Bass và tác giả O.F. Potemkin. Kết quả nghiên cứu cho thấy, định hướng trong công việc chiếm tỷ lệ cao nhất; giá trị quyền lực của nhóm nam chiếm ưu thế hơn so với nhóm nữ; xuất hiện tương quan giữa định hướng nhân cách và các giá trị tâm lý - xã hội cũng như tương quan giữa các giá trị tâm lý - xã hội với nhau. Từ đó chúng tôi đề xuất những biện pháp giáo dục tâm lý nhằm giúp đỡ trực tiếp các bạn sinh viên năm nhất nhanh chóng thích ứng với môi trường sống mới.

Từ khóa: giá trị tâm lý - xã hội, định hướng nhân cách, sinh viên Việt Nam.

ABSTRACT: In this article we consider the empirical results of studying on the characteristics of the social - psychological value of Vietnamese students in Russia. During the study, we used two methods by B. Bass and O.F. Potemkin to explore the students' main personality orientation and characteristics of social - psychological value based on their gender. The result of this study shows that the orientation in work accounts for the highest percentage in comparison with other ones; male's powerful values dominate the female ones; there is a correlation between social - psychological values. Based on the results of this study, we propose methods of practical psychological education, aiming at the immediate help for beginners to quickly adapt to life and learning environments in the Russian Federation.

Key words: social - psychological value, personality orientation, Vietnamese student.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tính cấp thiết

Trọng tâm của nhiều lý thuyết nhân cách chủ yếu tập trung nghiên cứu ý nghĩa của các giá trị sống trong một môi trường nhất định, chúng thiết lập các thông số của sự phát triển nhân cách của một cá nhân. Như vậy, trong khái niệm của Маслоу А. về hệ thống định hướng giá trị của một nhân cách đóng vai trò như cơ quan quản lý chủ yếu các hoạt động của nhân cách và định hướng cho sự phát triển của nó. Роджерс К. tin rằng, nhận thức về ý thức

cá nhân đối với hành vi của mình là một điều kiện của việc —phát triển tâm lý lành mạnh. Trong lý thuyết phát triển —Cái Tôi của mình, các nhà khoa học cho rằng, ý nghĩa của các giá trị sống đóng một vai trò trong sự phát triển cá tính nổi bật, nguồn gốc của các hành vi nhân cách (Крайг Г., 2000). Thời đại của chúng ta ngày nay, khi khoa học, công nghệ, đời sống xã hội ngày càng thay đổi, thì có sự thay đổi đặc biệt trong nhận thức của con người về ý nghĩa của các giá trị sống. Các vấn đề của sự hiểu biết giá trị và ý nghĩa của sự tồn tại, sự biến đổi

^(*)Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học. Trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc Nga, Liên bang Nga.

(**)Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

trong thế giới hiện đại đánh dấu một bước tiến lớn trong các nghiên cứu khoa học tâm lý (Яницкий М.С., 2000).

Hệ thống định hướng giá trị của sinh viên nước ngoài, đặc biệt là sinh viên Việt Nam đã học tập tại Liên bang Nga chính là một mô hình tốt để nghiên cứu hiện tượng giao thoa văn hóa và những thay đổi xảy ra trong tâm lý của họ. Hiện nay có hơn 3000 sinh viên Việt Nam đang sinh sống và học tập ở các trường đại học tại Liên bang Nga, các bạn sinh viên gặp không ít khó khăn, trở ngại trong quá trình tiếp cận, làm quen với môi trường mới. Dưới ảnh hưởng của sự tương tác giao thoa văn hóa và -tồn tại ở một nền văn hóa mới, những sinh viên này đặc biệt nhạy cảm với những ảnh hưởng của xã hội trong các câu hỏi liên quan đến việc lựa chọn các giá trị sống trong quá trình tiếp biến văn hóa một cách năng động và nhanh chóng nhất (Маслова О.В., Буй Дык Т., 2014). Tuy nhiên, các nghiên cứu khoa học về định hướng nhân cách và định hướng giá trị tâm lý - xã hội còn hạn chế về số lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ tâm lý trong quá trình thích ứng với điều kiện của môi trường sống mới. Vì thế, chúng tôi mong muốn thực hiện một nghiên cứu cơ bản nhằm phân tích định hướng nhân cách của sinh viên Việt Nam, tìm ra các giá trị sống mà họ đang theo đuổi và lý giải dưới khía cạnh của giới tính. Một mặt, các bạn sinh viên sẽ nhanh chóng tìm ra các giải pháp cho riêng mình để hoàn thành mục tiêu đề ra, mặt khác chúng tôi mong muốn người Nga hiểu rõ hơn những khó khăn mà sinh viên Việt Nam gặp phải trong quá trình học tập ở môi trường văn hóa mới.

1.2. Các khái niệm cơ bản

Chúng tôi trình bày một số khái niệm cơ bản liên quan đến các vấn đề định hướng nhân cách và đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội. —Định hướng nhân cách trong khoa học tâm lý luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà khoa học, nó nổi bật trong nhiều tác phẩm của

các nhà tâm lý nổi tiếng (Колмогорова Н.С., 2008), chẳng hạn như Абульханова-Славская К.А., Ананьев Б.Г., Бодалев А.А., Додонов Б.И., Леонтьев Д.А., Платонов К.К., Рубинштейн С.Л., Левин К., Маслоу А., Оллпорт Г., Роджерс К. ... Chúng tôi đồng ý với các tác giả Штерензон В.А., Сажаев А.В về khái niệm định hướng nhân cách -là một hệ thống các nhu cầu, ý nghĩa, mục đích, động cơ, phản ánh của nhân cách, được hình thành và biến đổi như một thực thể duy nhất trong quá trình phát triển nhân cách trong xã hội. Định hướng nhân cách luôn luôn được hình thành bởi hai yếu tố: điều kiện xã hội và sự giáo dục (gia đình, trường học, câu lạc bộ, ...) (Штерензон В.А., Сажаев А.В, 2015, tr.75).

Theo chúng tôi, —giá trị tâm lý - xã hội là những giá trị sống của con người được tiếp cận theo hướng tâm lý - xã hội. Vào đầu thế kỷ XX, vấn đề —giá trị đã được đưa vào lĩnh vực nghiên cứu cụ thể. Đáng kể là những công trình của các nhà tâm lý học: Франкл В., Оллпорт Г., Кольберг Л., Маслоу А., Рокичу М., Фромм Э., Ядова В.А., Мясищева В.Н., Ананьев Б.Г., Асмолова А.Г., Тугаринова В.П., ... Яницкий М.С nói rằng những đặc điểm và tính năng của quá trình hình thành hệ thống định hướng giá trị của con người - là do sự tiếp xúc với nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài như: mức độ phát triển các đặc điểm nhận thức, tình cảm và ý chí với môi trường xã hội, bản chất và hình thức tác động tâm lý, những đặc trưng của rối loạn chức năng tâm thần. Ưu thế của một hoặc một nhóm các giá trị trong hệ thống có thể được xác định bởi sự ảnh hưởng của cơ chế hình thành tâm lý thích hợp, đặc trưng của giai đoạn này của sự phát triển cá nhân. chúng ta có thể nói rằng các giá trị khác nhau có thể có nguồn gốc khác nhau. Các tác giả đồng ý rằng giá trị xuất hiện thông qua cá nhân và xã hội là các đối tượng bên trong và chất liệu của thế giới bên ngoài, mở ra nhu cầu tích cực hay tiêu cực đối với cá nhân, nhóm,

tập thể xã hội. Theo nghĩa rộng hơn, giá trị là liên kết cá nhân với các hoạt động tập thể trong quá trình tìm hiểu và thực hiện một hành vi xã hội được kiểm soát phù hợp với các giá trị, mục tiêu của môi trường đào tạo và các hoạt động của các tổ chức xã hội.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu chính là tập trung nghiên cứu định hướng nhân cách và đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội theo khía cạnh giới tính của sinh viên năm thứ nhất đang học tập tại Liên bang Nga. Mẫu của chúng tôi bao gồm 112 sinh viên năm thứ nhất, trong đó có 46 bạn nữ và 66 bạn nam đến từ các trường đại học khác nhau ở Matxcova với độ tuổi từ 19 đến 21. Chúng tôi sử dụng hai phương pháp cơ bản để xác định mô hình định hướng nhân cách và các giá trị sống cơ bản mà họ đang theo đuổi.

Thứ nhất là -Phương pháp chẩn đoán định hướng nhân cách¹ của tác giả Б. Басс. Phương pháp này cho phép tiết lộ một người thực sự muốn điều gì, đối với họ điều gì là quan trọng nhất, điều gì họ xem là có giá trị, và nếu cần thiết, họ có thể tự điều chỉnh hành vi của mình. Phương pháp này bao gồm bảng hỏi Смекает-Кучера và bảng hỏi định hướng nhân cách. Để hoàn thành mục tiêu đề ra trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng -Bảng hỏi định hướng nhân cách¹. Bảng hỏi này còn được gọi là ЦОЛ (Ценностные Ориентации Личности - định hướng giá trị nhân cách), bao gồm 27 câu hỏi được chia thành ba định hướng chính: cho bản thân, trong giao tiếp, trong công việc. Các kết quả thu được thể hiện phản ứng của người trả lời khi rơi vào các trường hợp bắt buộc, có liên quan đến công việc hay học tập mà ảnh hưởng đến người khác, đồng thời hiểu được sở thích và sự hài lòng của họ (М.А. Пономарёва, Т.И. Юхновец, 2008; Психология подростка, 2003).

Thứ hai là —Phương pháp chẩn đoán hệ thống nhân cách tâm lý – xã hội trong môi

trường nhu cầu – động cơ của tác giả О.Ф. Потемкин (С.И. Кудинов, И.В. Кулагина, 2009; С.И. Кудинов, С.С Кудинов, С.Р. Айбазова, 2016). Đây là bảng hỏi cho phép khám phá môi trường nhu cầu – động cơ và nhằm trả lời cho câu hỏi –Đối với bạn, điều gì là quan trọng nhất trong cuộc sống?!, trong đó bao gồm 80 câu hỏi, chia thành hai phần. Mục tiêu chính của phương pháp là mức độ thể hiện của thiết lập tâm lý - xã hội, đối với mỗi phần sẽ có câu hỏi riêng. Phần thứ nhất gồm 40 câu hỏi thể hiện giá trị nào là quan trọng của con người: giá trị nào ở con người tôi chiếm ưu thế hơn – "lòng vị tha hay ích kỷ", tôi tập trung vào giá trị nào hơn – —quá trình hay kết quả; phần thứ hai gồm 40 câu hỏi nhằm định hướng đánh giá ý nghĩa các giá trị: giá trị nào tôi mong muốn hơn – –tự do hay quyền lực, đối với tôi bây giờ điều gì là quan trọng hơn – —lao động hay tiền bạc.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong phần đầu tiên của kết quả nghiên cứu, chúng tôi xem xét đến khía cạnh định hướng nhân cách của nhóm sinh viên năm nhất. Các dữ liệu thu được cho phép chúng ta nói rằng sinh viên Việt Nam lựa chọn định hướng trong công việc chiếm 39,5% với tỷ lệ cao nhất so với định hướng bản thân (27,8%) và định hướng trong giao tiếp (32,7%). Các bạn sinh viên Việt Nam hình thành mục tiêu rõ ràng trong cuộc sống và trong học tập, có một kế hoạch học tập cụ thể, chú ý đến quá trình và kết quả học tập. Họ không chỉ quan tâm đến việc học của bản thân qua suy nghĩ mà còn thực hiện qua các hành động cụ thể để nâng cao trình độ chuyên môn, lĩnh hội các kiến thức mới. Mặc dù vất vả, khó khăn do rào cản về ngôn ngữ nhưng họ luôn lạc quan, hài lòng với quá khứ và hiện tại, phấn đấu và nỗ lực hết mình cho mục tiêu đã đề ra. Họ yêu thích sự bận rộn trong công việc, nhiệt tình tìm hiểu những cái chưa biết, trau dồi vốn ngoại ngữ,

thích làm việc tập thể và biết tự điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới.

Tiếp theo, chúng tôi phân tích các dữ liệu về các giá trị tâm lý - xã hội của sinh viên Việt Nam, chúng tôi thấy rằng các dữ liệu thu được có các chỉ số thấp tập trung vào giá trị —quyền lực và tiền bạc tương ứng với 3,23 và 3,46 điểm trong thang điểm 10. Nhóm sinh viên đánh giá giá trị vật chất không quan trọng đối với họ trong giai đoạn năm nhất, bởi họ còn nhiều mối quan tâm hơn là điều kiện kinh tế như mục tiêu, kế hoạch học tập, kết bạn, thích ứng với môi trường học tập mới, đồng thời với số tiền học bổng nhận được từ chính phủ, họ đủ chi tiêu cho sinh hoạt và học tập tại Matxcova. Bên cạnh đó, ở một môi trường mới, họ chưa thích thú với quan điểm lãnh đạo người khác hay ra lệnh cho những người xung quanh nên điểm trung bình thấp. Nhưng các giá trị trung bình thu được ở những giá trị đầu tiên, theo định hướng của cá nhân là giá trị —quá trình đạt 6,75 điểm. Trong khi ở vị trí thứ hai và thứ ba là các giá trị —tự do đạt 5,74 điểm và —kết quả đạt 5,69 điểm. Điều này cho thấy rằng, các hoạt động mà họ đặc biệt quan tâm và suy nghĩ là kế hoạch từng giai đoạn, đặt mục tiêu rõ ràng, lựa chọn phương pháp thích hợp để tìm đối tác phù hợp, thực hiện những nỗ lực cần thiết để hoàn thành và đạt được kết quả học tập. Mặc dù thế, bản thân mỗi sinh viên vẫn khát khao được tự do sáng tạo trong học tập, không

thích bị áp lực bởi sự áp đặt kiến thức hay kiểm soát bằng điểm số thông qua các kỳ thi và kỳ kiểm tra. Định hướng lao động, lòng vị tha, sự ích kỷ của sinh viên năm thứ nhất nhận được các giá trị trung bình tương ứng là 5,33; 5,32 và 4,91 điểm. Những bạn sinh viên tham gia buổi khảo sát của chúng tôi thể hiện đặc tính chăm chỉ, năng động, ham thích các hoạt động học tập cũng như các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng. Vì thế ở họ hình thành sự thấu hiểu người khác nhưng cũng tồn tại sự ích kỷ cho riêng bản thân mình. Tức là các bạn vẫn muốn được thừa nhận trong các hoạt động mình đã tham gia, giữ cho mình một vài kiến thức mới để được mọi người ngưỡng mộ, nhưng điều này không làm ảnh hưởng đến người khác. Nhóm sinh viên Việt Nam trong năm học thứ nhất đã đề ra kế hoạch học tập cụ thể trong từng giai đoạn, học và làm bài tập hằng ngày, đến kỳ thi, họ chỉ ôn tập và chuẩn bị cho phần thi vấn đáp, bởi vì với họ, rào cản ngôn ngữ sẽ gây rất nhiều khó khăn khi họ lần đầu tiên tiếp cận với hình thức thi mới, khác hẳn với khi còn học tập ở Việt Nam.

Chúng tôi quan tâm đến sự khác biệt trong việc lựa chọn các giá trị tâm lý - xã hội ở khía cạnh giới tính của sinh viên Việt Nam, liệu rằng giá trị nào sẽ thể hiện rõ sự khác biệt này giữa nam và nữ. Để trả lời cho vấn đề này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp kiểm định U – Mann Whitney (bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ các giá trị tâm lý - xã hội của sinh viên Việt Nam năm nhất theo giới tính

Gới tính Giá trị	Nữ (n=46)	Nam (n=66)	U – Mann Whitney	P - level
Quá trình	6.82	6.53	1342	0.307
Kết quả	5.72	5.67	1226	0.853
Lòng vị tha	5.52	5.18	1334	0.332
Ích kỷ	4.87	4.93	1135	0.644
Lao động	5.17	5.43	1142	0.68
Tự do	5.47	5.92	1056	0.32
Quyền lực	2.55	3.68	733.5	0.001 ¹
Tiền bạc	3.5	3.43	1204.5	0.974

Kết quả là thông số trong nhóm nam và nhóm nữ, biểu hiện chỉ có một sự khác biệt đáng kể về mặt thống kê, liên quan đến giá trị —quyền lực ($p = 0,001$). Những sinh viên nam có sự đánh giá tầm quan trọng, sự ảnh hưởng và sự kiểm soát của bản thân lên người khác và xã hội cao hơn đáng kể so với nhóm sinh viên nữ ($3,68 > 2,55$ điểm). Chúng tôi tin tưởng rằng kết quả này là hiển nhiên, vì trong xã hội Việt Nam, nữ giới có giới hạn nhất định trong vai trò của mình. Ngày xưa, nữ giới thường thực hiện các công việc trong gia đình, ít tương tác với xã hội, họ phải kết hôn, có con và chăm sóc cuộc sống gia đình, điều này được xem là thành công của người phụ nữ Việt Nam. Ngày nay, khi xã hội bắt đầu hội nhập với thế giới, người phụ nữ bắt đầu được đến trường, tham gia vào lực lượng lao động của xã hội, họ mở rộng vòng tròn của sự tương tác xã hội, nhưng các bậc phụ huynh vẫn muốn nữ giới ưu tiên việc xây dựng gia đình vững chắc, có con và một công việc ổn định. Phụ nữ có giáo dục sau đại học là không hấp dẫn đối với nam giới. Ngoài

ra, người phụ nữ thường xuyên dành thời gian bên ngoài xã hội hơn công việc gia đình, không muốn có con, không giỏi nấu ăn thì thường được coi là không phù hợp tiêu chuẩn người phụ nữ Việt Nam (Xo Bo Kye TИ, 2014).

Chúng tôi đã tham khảo một số tài liệu nghiên cứu về sinh viên Việt Nam tại Liên bang Nga, gần đây nhất của tác giả Bùi Đức Tuấn. Nghiên cứu trên đối tượng sinh viên năm nhất, tác giả cũng sử dụng phương pháp U - Mann Whitney để so sánh sự khác biệt đáng kể về mặt thống kê giữa nhóm nam và nhóm nữ, kết quả cho thấy giá trị —cuộc sống gia đình hạnh phúc xuất hiện sự khác biệt $p = 0,047$. Nhóm nữ đánh giá giá trị này cao hơn nhóm nam, tức là các bạn sinh viên nữ vẫn mang những đặc điểm giá trị và quan niệm truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, họ vẫn cho rằng nền tảng gia đình hạnh phúc luôn là giá trị quý báu và quan trọng đối với họ, mặc dù xã hội ngày càng phát triển và hội nhập với thế giới (Буй Дык Туан, 2015).

Bảng 2. *Mối tương quan giữa các giá trị tâm lý - xã hội của nhóm sinh viên nữ*

	Quá trình	Kết quả	Lòng vị tha	Ích kỷ	Lao động	Tự do	Quyền lực	Tiền bạc
Quá trình	—	0.007	0.093	-0.017	0.185	0.151	-0.134	-0.2 ²
Kết quả		—	0.163	0.067	-0.121	0.042	-0.047	-0.122
Lòng vị tha			—	0.272 ¹	0.048	0.075	-0.028	-0.056
Ích kỷ				—	-0.04	0.125	0.231 ²	0.021
Lao động					—	0.262 ¹	0.202 ²	0.169
Tự do						—	-0.099	-0.014
Quyền lực							—	0.458 ³
Tiền bạc								—

Ghi chú: ¹ $p < 0.01$, ² $p < 0.05$, ³ $p < 0.001$

Chúng tôi tiếp tục phân tích mối tương quan (Pearson Correlation) giữa các chỉ số về đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội của các nhóm sinh viên Việt Nam theo giới tính. Ở bảng 2, chúng tôi phân tích mối tương quan giữa các

chỉ số về đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội của các nhóm sinh viên nữ. Kết quả cho thấy rằng càng gia tăng giá trị quá trình, càng giảm giá trị tiền bạc (với mức ý nghĩa của tương quan nghịch là $p < 0,05$). Tức là nhóm sinh viên nữ

càng quan tâm nhiều đến các mục tiêu, kế hoạch và phương pháp thực hiện, sử dụng khối lượng lớn thời gian cho quá trình sống và học tập để thích nghi với môi trường mới, càng làm họ bớt hứng thú và không có nhiều thời gian tập trung suy nghĩ về kinh tế, vào chất liệu của sự giàu có và tiền bạc.

Trong tương quan kế tiếp, giá trị lòng vị tha càng cao, thì càng gia tăng giá trị ích kỷ ($p < 0,01$). Hai giá trị đối lập cùng tồn tại trong mỗi con người, nhưng một trong số chúng luôn là rõ rệt hơn, và điều này sẽ được phản ánh trong các hành động của con người. Tương quan với giá trị ích kỷ là giá trị quyền lực ở mức $p < 0,05$, có nghĩa là những người trả lời càng tự tin, tập trung vào mục tiêu của mình, càng phải đạt được sự ngưỡng mộ của các bạn cùng lớp, đó là mong muốn tốt nhất trong nhóm được nghiên cứu. Nhóm sinh viên nữ càng đánh giá cao giá trị lao động, thì càng đánh giá cao hơn giá trị tự do ($p < 0,01$) và giá trị quyền lực ($p < 0,05$); những sinh viên này muốn dành thời gian học tập, cống hiến để nghiên cứu khoa học cùng một lúc họ bày tỏ sự cần thiết của sự sáng tạo, mong muốn để quản lý và điều phối các hoạt động của nhóm một cách hiệu

quả. Cuối cùng, giá trị quyền lực tương quan thuận và chặt chẽ với giá trị tiền bạc ở mức $p < 0,001$, tức là, dường như đối với những người có địa vị xã hội cao hơn, sẽ tương tác cao hơn các giá trị về kinh tế, vật chất. Tóm lại, nhóm sinh viên nữ thể hiện đa phần là các tương quan thuận, thể hiện rõ nét quan điểm về các đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội của nhóm sinh viên dưới góc nhìn của nữ giới (С.И. Кудинов, Хо Во Кye Ти, 2017).

Đối với nhóm sinh viên nam, dưới phân tích môi tương quan giữa các chỉ số về đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội, chúng tôi cũng có những kết quả theo bảng 3. Môi tương quan đầu tiên là tương quan nghịch giữa giá trị ích kỷ và giá trị lao động, tức là sinh viên nam càng đánh giá cao giá trị ích kỷ thì càng ít quan tâm đến giá trị lao động. Bởi nếu sinh viên càng nghĩ nhiều đến kết quả cho riêng mình, sợ thua thiệt với người khác, sợ mất đi sự thừa nhận từ bạn bè và thầy cô thì họ sẽ so đo với những công sức, thời gian mà họ tiêu tốn cho việc học hơn là việc nghiêm chỉnh tập trung vào kiến thức mà họ nhận sau quá trình chiếm lĩnh nó.

Bảng 3. Môi tương quan giữa các giá trị tâm lý - xã hội của nhóm sinh viên nam

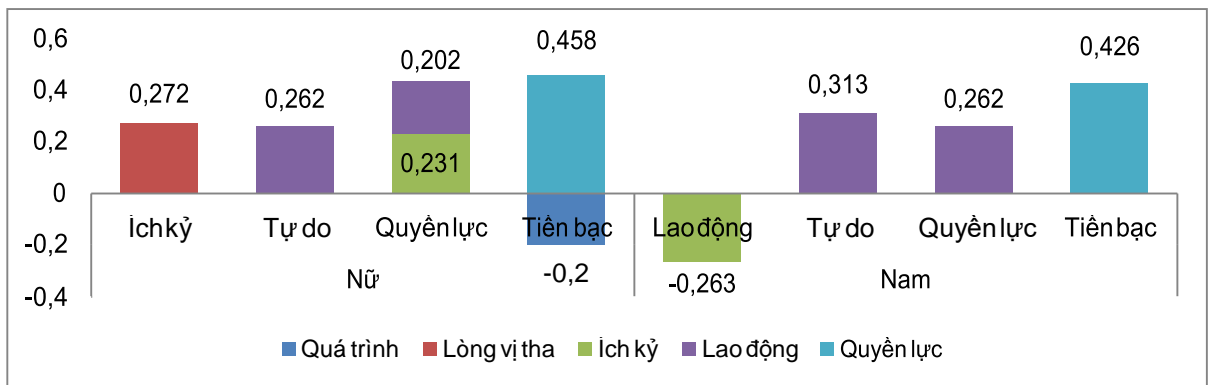
	Quá trình	Kết quả	Lòng vị tha	Ích kỷ	Lao động	Tự do	Quyền lực	Tiền bạc
Quá trình	___	0.004	0.064	0.053	0.158	0.103	-0.069	-0.207
Kết quả		___	0.077	0.056	-0.032	0.096	-0.122	0.117
Lòng vị tha			___	0.207	0.031	0.076	0.003	0.015
Ích kỷ				___	-0.263 ²	0.052	0.133	-0.205
Lao động					___	0.313 ²	0.262 ²	0.16
Tự do						___	-0.083	-0.065
Quyền lực							___	0.426 ¹
Tiền bạc								___

Bên cạnh đó, giá trị lao động lại tương quan với giá trị tự do và quyền lực ở mức ý nghĩa $p < 0,05$. Cũng giống như nhóm sinh viên nữ, họ cho rằng càng tốn nhiều thời gian công

sức, đặt tất cả tâm tư và niềm tin cho bất cứ hoạt động nào trong cuộc sống và đặc biệt là trong học tập thì có sự sáng tạo, sự tự khám phá, không bị gò ép, hay áp đặt bất cứ quan

điểm hay hình thức thi khoa học sẽ phát triển, cá nhân sẽ lĩnh hội những tri thức mới, và bản thân mỗi người sẽ tìm thấy tiềm năng của riêng mình, đồng thời họ sẽ biết cách quản lý, điều phối công việc của bản thân và nhóm một cách khoa học và hợp lý. Hai giá trị không thể thiếu, tồn tại song song trong mỗi người là giá trị quyền lực và tiền bạc. Chúng tương quan thuận và khá chặt chẽ với nhau ở mức ý nghĩa là $p <$

0,01. Điều này có nghĩa là chức vụ càng cao, lương bổng càng nhiều và nó cũng gắn liền với trách nhiệm càng lớn. Nhóm sinh viên nam có nhiều mối tương quan giống với nhóm sinh viên nữ, có thể nói rằng ở họ có nhiều biểu hiện gần giống nhau về suy nghĩ và nhận thức, nhưng ở các bạn nữ mang tính rõ ràng và sâu sắc hơn (Hình 1).



Hình 1. Mối tương quan giữa các giá trị tâm lý - xã hội của nhóm sinh viên nữ và nam

Chúng tôi tiếp tục đề cập đến mối tương quan giữa các chỉ số về đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội và các định hướng nhân cách của sinh viên Việt Nam năm thứ nhất, đang học tập tại Matxcova. Theo bảng 4, kết quả cho thấy rằng các bạn sinh viên định hướng bản thân có mối tương quan nghịch với giá trị quá trình ở mức độ $p < 0,05$. Nói cách khác, những người định hướng cá nhân càng cao thì việc đánh giá kế hoạch, phương pháp thực hiện, trở ngại trong quá trình thực hiện của công việc càng giảm, vì họ sẽ quan tâm nhiều đến việc so sánh với mục tiêu đề ra lúc ban đầu, kết quả nhận được từ việc đó, lợi ích của công việc đem lại và sự thừa nhận từ tất cả mọi người trong lớp hay trong nhóm học tập của họ. Bên cạnh đó, những người định hướng cá nhân có mối tương quan ở mức ý nghĩa $p < 0,05$ với giá trị ích kỷ và giá trị quyền lực. Kết quả hiển nhiên là những sinh viên mong muốn thực hiện mục tiêu và nguyện vọng của cá nhân, họ có động

ơ mạnh mẽ, khát vọng vượt trội để chiếm lĩnh thứ mà họ muốn đạt được nhưng dường như ít quan tâm đến suy nghĩ của người khác, không muốn chia sẻ tri thức và thành công với người khác, họ tự thực hiện việc của mình thích chỉ đạo người khác phục tùng theo mệnh lệnh mà họ đưa ra để tiến nhanh đến kết quả, đáp ứng nhu cầu của bản thân mà quên đi nhu cầu của người khác.

Đối với định hướng công việc, xuất hiện hai mối tương quan nghịch với giá trị ích kỷ ở mức độ $p < 0,05$ và giá trị tiền bạc ở mức độ $p < 0,01$. Có thể giải thích như sau, những sinh viên gia tăng hứng thú trong học tập, đam mê làm khoa học, hài lòng với cuộc sống học tập hiện tại, thì họ xem nhẹ lợi ích của bản thân, không quan tâm nhiều đến điểm số, cái họ quan tâm là kiến thức, kinh nghiệm, sự tự điều chỉnh và quản lý bản thân. Bên cạnh đó, họ không phấn đấu hết mình để đạt đến mục tiêu kinh tế, không quan tâm nhiều đến giá trị vật chất.

Bảng 4. Chỉ số tương quan về đặc điểm giá trị tâm lý - xã hội và các định hướng nhân cách của sinh viên Việt Nam

Giá trị Định hướng	Quá trình	Kết quả	Lòng vị tha	Ích kỷ	Lao động	Tự do	Quyền lực	Tiền bạc
Bản thân	-0.198 ²	-0.097	-0.157	0.218 ²	-0.105	-0.075	0.202 ²	0.158
Giao tiếp	0.106	-0.135	0.064	0.056	0.170	0.018	-0.062	0.102
Công việc	0.092	0.179	0.084	-0.244 ²	-0.054	0.032	-0.174	0.277 ¹

Các bạn đã lựa chọn và định hướng cho bản thân mỗi người để sống và học tập tốt trong một môi trường mới, với nhiều sự khác biệt về văn hóa, khí hậu, tôn giáo, ngôn ngữ thì các bạn chắc hẳn cũng gặp rất nhiều khó khăn để thích ứng và học tập tốt. Chúng tôi đã tham khảo ý kiến của rất nhiều bạn sinh viên, và theo họ, khó khăn lớn nhất là ngôn ngữ; sau đó là văn hóa học tập – các cách thức tổ chức dạy học, phương pháp học tập; sự khác biệt về khí hậu, văn hóa, tôn giáo, ...

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Chúng tôi có thể kết luận rằng các bạn sinh viên Việt Nam có định hướng rõ ràng trong cuộc sống và trong học tập, họ đặt mục tiêu cho cuộc sống và biết mục tiêu nào là chính để hoàn thành chúng phù hợp với môi trường mới. Bên cạnh đó họ lựa chọn các giá trị tâm lý - xã hội: quá trình, tự do, kết quả để thực hiện mục tiêu chính trong quá trình sống và học tập tại Liên bang Nga. Và đặc biệt là giữa các nhóm nam và nữ đã thể hiện rõ nét sự đặc trưng về giới tính của mình trong suy nghĩ và lựa chọn con đường cho tương lai, phù hợp với các giá trị truyền thống của dân tộc về tinh thần học tập bất khuất.

Từ kết quả nghiên cứu trên chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị. Đầu tiên, các bạn nên

chủ động khắc phục khả năng ngoại ngữ của bản thân – đó là tiếng Nga, sau đó chia sẻ với các bạn cùng lớp, thầy cô về những khó khăn gặp phải trong quá trình học tập và mong muốn sự giúp đỡ ngoại ngữ trong quá trình học tập. Từ đó tự tìm ra cho mình một phương pháp học thích hợp với cách thức dạy học của thầy cô, hình thức thi đa dạng, phương pháp đọc, tìm tài liệu nhanh và hiệu quả. Bản thân tự tìm hiểu thêm về con người, đất nước và văn hóa Nga để lý giải cho những thắc mắc về tính cách của họ, nhanh chóng thích nghi với điều kiện sống và khí hậu tại Nga. Điều quan trọng nữa là các bạn tìm đến các câu lạc bộ học tập, văn hóa, ẩm thực, ... của trường để thường xuyên trau dồi khả năng của bản thân, làm quen và tiếp cận dần với người bản xứ, đồng thời cũng tham gia các hoạt động do đơn vị, ban cán sự Đoàn, Đại sứ quán tổ chức nhằm kết nối thêm nhiều bạn bè, giúp bản thân năng động hơn trong quá trình sống và học tập. Chúng tôi cho rằng các bạn có thể chia sẻ với các anh chị khóa trước về những vấn đề gặp phải và nhận lời khuyên, lời giúp đỡ từ họ, đây là niềm vui và niềm động lực lớn nhất trong những năm tháng học tập xa quê hương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Алишев Б.С. (2002). Психологическая теория личности: Системно-функциональный подход/Автореферат - доктор психол. Наук, Казань, с.4.
2. Буй Дык Туан (2015). Динамика ценностей вьетнамских студентов в начальный период обучения в России// Дисс...канд.псих.наук –Москва, с.89.
3. Крайг Г. (2000). Психология развития: пер. с англ. – СПб.: Питер, С. 992.
4. Колмогорова Н.С (2008). Коммуникативная компетентность как условие и следствие становления направленности личности. Автореф. Дисс. Канд.псих.наук. Барнаул, с.228.
5. Маслова О. В., Буй Дык Т. (2014). Изменение ценностных ориентаций у городских и сельских вьетнамских студентов в России //Вестник РУДН. Серия: Психология и педагогика. – № 4. – С.24 – 33.
6. Психодиагностика личности: пособие для студентов вузов/ М.А. Пономарёва, Т.И. Юхновец/ под общ.ред. М.А. Пономарёвой. — Минск, — 2008. — с. 312.
7. Психология подростка. Практикум. Тесты, методики для психологов, педагогов, родителей/ред. А.А.Реана. - СПб.: «Прайм-ЕВРОЗНАК», 2003, с.124.
8. С.И. Кудинов, И.В. Кулагина (2009). Психодиагностика. Тольятти. Изд-во: ТГУ, С. 243.
9. С.И. Кудинов, С.С Кудинов, С.Р. Айбазова (2016). Ценностно-смысловые предикторы самореализации личности. Москва. Изд-во: РУДН, С. 78.
10. С.И. Кудинов, Хо Во Кие Ти (2017). Психологические особенности ценностных приоритетов у вьетнамских студентов// Самореализация личности в современном мире// Материалы IV Всероссийской научно-практической конференции. М – С. 114.
11. Штерензон В.А., Сажаев А.В (2015). Исследование структуры направленности личности студента профессионально-педагогического вуза // Психология, социология и педагогика. № 8 (47). — С. 75–84.
12. Хо Во Кие Ти (2014). Стратегии аккультурации и уровень межкультурной адаптации вьетнамских студентов// Магистерская диссертация. М. С. 38- 39.
13. Яницкий М.С. (2000). Ценностные ориентации личности как динамическая система. — Кемерово: Кузбассвузиздат, С. 204.

Ngày nhận bài: 24/7/2017. Ngày biên tập xong: 20/9/2017. Duyệt đăng: 06/10/2017